

# THE TWELVE LINKS OF DEPENDENT ORIGATION

---

MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

## 2. VOLITIONAL FORMATIONS — HÀNH

*Based on the Sutras — Dựa trên Kinh điển*

### ENGLISH

***“With ignorance as condition, volitional formations arise; with volitional formations as condition, consciousness arises.”***

#### Scriptural foundation

This explanation is based principally on three canonical discourses: The Analysis of Dependent Origination (Saṃyutta Nikāya 12.2), Right View (Majjhima Nikāya 9), and the Mahāyāna Rice Seedling Sūtra (Śālistamba Sūtra).

SN 12.2 defines volitional formations as threefold: bodily volitional formation, verbal volitional formation, and mental volitional formation. MN 9 presents the same threefold division and explains that formations arise with the arising of ignorance and cease with the cessation of ignorance.

The Rice Seedling Sūtra places formations between ignorance and consciousness: ignorance conditions formations, and formations condition consciousness. It emphasizes a conditioned process rather than a creator, a permanent self, or an independent controller.

#### 1. What does ‘volitional formations’ mean?

The Pāli word is saṅkhāra; the corresponding Sanskrit word is saṃskāra. These terms have several meanings in Buddhist teaching. They can refer broadly to conditioned things or to mental formations. Here, however, we are considering their specific meaning as the second link of dependent origination.

In this context, volitional formations are karmically formative intentions and activities. They are the ways in which the mind, influenced by ignorance and habitual tendencies, constructs responses through body, speech, and mind.

The word ‘volitional’ is important. Hành does not mean every movement of the body or every event occurring in the mind. It points especially to intentional activity that shapes experience, strengthens tendencies, and produces karmic results.

## **2. Why does ignorance condition volitional formations?**

Ignorance means not seeing suffering, its origin, its cessation, and the path clearly. It also includes failing to see impermanence, dependent arising, and the absence of an independent self.

Because we do not see clearly, we grasp at ‘I’ and ‘mine’. On that basis, intentions arise: to obtain what pleases us, to push away what displeases us, or to remain unaware and indifferent. These intentions set body, speech, and mind in motion.

Thus ignorance does not command formations as one person commands another. It provides the condition in which habitual and karmically effective intentions arise. This is the meaning of ‘with ignorance as condition, volitional formations arise’.

## **3. The three kinds of volitional formations**

Bodily volitional formations are intentions and karmically formative activities expressed through the body. They include intentional ways of acting toward other beings and the world.

Verbal volitional formations are intentions and karmically formative activities expressed through speech. Words may be truthful or false, gentle or harsh, reconciling or divisive, meaningful or careless.

Mental volitional formations are intentions and karmically formative activities occurring in the mind. They include patterns of desire, ill will, views, planning, and repeated ways of attending and reacting.

These three are not separate compartments. A mental intention may lead to speech or bodily action; repeated speech and action may in turn strengthen a mental habit. Together they form patterns that influence how we experience and respond to life.

## **4. Volitional formations and karma**

The Buddha taught that intention is central to karma. In the second link, formations are therefore not blind physical forces. They are intentional, karmically formative processes conditioned by ignorance.

An intention may pass quickly, but repeated intentions leave tendencies. A tendency makes a similar response more likely to arise again. In this way, formations help continue patterns of experience, action, and consequence.

This does not mean that everything happening to a person is the result of one past action, nor does it imply fate. Many conditions operate together, and present awareness and present choices can introduce new conditions.

## **5. Are all volitional formations unwholesome?**

Volitional formations may be unwholesome or wholesome. Anger, cruelty, deceit, and greed lead the mind toward suffering. Generosity, ethical conduct, patience, and compassion create more beneficial conditions.

Yet as long as action is accompanied by ignorance and grasping at a permanent self, it remains within the conditioned cycle of saṃsāra. Wholesome action is still essential: it reduces harm, supports clarity, and provides favorable conditions for wisdom and liberation.

Therefore, the teaching is not an invitation to stop acting. It is an invitation to act with increasing awareness, compassion, and understanding, so that ignorance and compulsive habit gradually lose their power.

## **6. How do formations condition consciousness?**

The next link is consciousness. The teaching states that with formations as condition, consciousness arises. This means that karmic intentions and habitual patterns provide conditions that shape the arising and direction of consciousness.

The relationship should not be understood as a permanent soul travelling from one moment or one life to another. The Rice Seedling Sūtra describes dependent arising without an independent agent: when the necessary conditions are present, the next factor arises; when those conditions cease, it cannot arise in the same way.

## **7. How are volitional formations brought to cessation?**

MN 9 teaches that formations cease with the cessation of ignorance, and that the way leading to their cessation is the Noble Eightfold Path. This does not mean destroying the ability to think, speak, or act.

What ceases is the production of karmic formations rooted in ignorance, craving, and clinging. As wisdom sees experience more clearly, actions no longer have to arise automatically from confusion and self-grasping.

Ethical conduct restrains harmful formations; meditation allows intentions and habits to be seen without immediately following them; and wisdom removes the ignorance from which binding formations arise. In this way, the chain can gradually be understood and released.

**Sources:** [Samyutta Nikāya 12.2, Analysis of Dependent Origination](#); [Majjhima Nikāya 9, Right View](#); [The Rice Seedling \(Śālistamba Sūtra\), Toh 210](#)

# TIẾNG VIỆT

***“Do vô minh làm duyên, Hành sinh khởi; do Hành làm duyên, Thức sinh khởi.”***

## Nền tảng Kinh điển

Bài giải thích này chủ yếu dựa trên ba bản kinh: Kinh Phân Tích Duyên Khởi (Tương Ưng Bộ 12.2), Kinh Chánh Tri Kiến (Trung Bộ 9), và Kinh Đại Thừa Mạ Lúa (Śālistamba Sūtra).

Tương Ưng Bộ 12.2 định nghĩa Hành gồm ba loại: thân hành, khẩu hành và tâm hành. Trung Bộ 9 cũng trình bày ba loại này và giải thích rằng khi vô minh sinh khởi thì Hành sinh khởi; khi vô minh chấm dứt thì Hành chấm dứt.

Kinh Mạ Lúa đặt Hành giữa Vô minh và Thức: Vô minh làm duyên cho Hành, rồi Hành làm duyên cho Thức. Đây là một tiến trình do điều kiện mà vận hành, không có một đấng sáng tạo, một cái tôi thường còn hay một chủ thể độc lập đứng phía sau điều khiển.

## 1. ‘Hành’ nghĩa là gì?

Tiếng Pāli là saṅkhāra; tiếng Sanskrit tương ứng là saṃskāra. Trong giáo lý Phật giáo, từ này có nhiều nghĩa. Nó có thể chỉ chung các pháp hữu vi hoặc các tâm hành. Tuy nhiên, ở đây chúng ta tìm hiểu ý nghĩa chuyên biệt của Hành trong chi thứ hai của Mười Hai Nhân Duyên.

Trong ngữ cảnh này, Hành là những ý định và hoạt động tạo tác có khả năng tạo nghiệp. Đó là cách tâm, dưới ảnh hưởng của vô minh và tập khí, tạo nên những phản ứng qua thân, lời nói và tâm ý.

Yếu tố ‘có chủ ý’ rất quan trọng. Hành không có nghĩa là mọi cử động của thân hay mọi hiện tượng xuất hiện trong tâm. Ở đây, Hành đặc biệt chỉ hoạt động có chủ ý, có khả năng định hình kinh nghiệm, củng cố tập khí và đưa đến quả nghiệp.

## 2. Vì sao Vô minh làm duyên cho Hành?

Vô minh là không thấy rõ khổ, nguyên nhân của khổ, sự chấm dứt khổ và con đường đưa đến sự chấm dứt khổ. Vô minh cũng bao gồm việc không thấy rõ vô thường, duyên khởi và sự vắng mặt của một cái tôi độc lập.

Vì không thấy rõ, chúng ta bám chấp vào ‘tôi’ và ‘của tôi’. Trên nền tảng ấy, những ý định phát sinh: tìm lấy điều làm ta dễ chịu, xua đuổi điều làm ta khó chịu, hoặc thờ ơ và không tỉnh giác. Những ý định này thúc đẩy thân, lời nói và tâm hoạt động.

Vì vậy, vô minh không ra lệnh cho Hành giống như người này điều khiển người kia. Vô minh tạo điều kiện để những ý định theo tập khí và có khả năng tạo nghiệp sinh khởi. Đó là ý nghĩa của câu ‘do vô minh làm duyên, Hành sinh khởi’.

### 3. Ba loại Hành

Thân hành là những ý định và hoạt động tạo nghiệp được biểu hiện qua thân. Chúng bao gồm những cách hành động có chủ ý đối với người khác và thế giới chung quanh.

Khẩu hành là những ý định và hoạt động tạo nghiệp được biểu hiện qua lời nói. Lời nói có thể chân thật hoặc dối trá, dịu dàng hoặc thô bạo, hòa hợp hoặc chia rẽ, có ý nghĩa hoặc thiếu cần trọng.

Tâm hành là những ý định và hoạt động tạo nghiệp diễn ra trong tâm. Chúng bao gồm các khuynh hướng tham muốn, ác ý, quan niệm, dự tính, cùng những cách chú ý và phản ứng được lặp đi lặp lại.

Ba loại này không phải là ba ngăn riêng biệt. Một ý định trong tâm có thể dẫn đến lời nói hoặc hành động của thân; lời nói và hành động được lặp lại cũng có thể làm một thói quen trong tâm mạnh thêm. Tất cả cùng tạo thành những khuôn mẫu ảnh hưởng đến cách ta kinh nghiệm và đáp lại cuộc sống.

### 4. Hành và nghiệp

Đức Phật dạy rằng ý định giữ vai trò trung tâm trong nghiệp. Vì vậy, Hành trong chi thứ hai không phải là một sức mạnh vật chất mù quáng. Đó là những tiến trình có chủ ý, có khả năng tạo nghiệp và được vô minh làm điều kiện.

Một ý định có thể thoáng qua rất nhanh, nhưng những ý định được lặp lại sẽ để lại khuynh hướng. Khuynh hướng ấy khiến một phản ứng tương tự dễ sinh khởi lần nữa. Bằng cách này, Hành tiếp tục duy trì các khuôn mẫu của kinh nghiệm, hành động và kết quả.

Điều này không có nghĩa mọi việc xảy đến với một người đều là kết quả của một hành động trong quá khứ, cũng không có nghĩa số phận đã được định sẵn. Nhiều điều kiện cùng vận hành, và sự tỉnh thức cùng lựa chọn trong hiện tại có thể tạo thêm những điều kiện mới.

### 5. Có phải mọi Hành đều bất thiện?

Hành có thể bất thiện hoặc thiện lành. Sân hận, độc ác, dối trá và tham lam đưa tâm đến khổ đau. Bố thí, giữ giới, nhẫn nhục và từ bi tạo nên những điều kiện tốt đẹp hơn.

Tuy nhiên, chừng nào hành động vẫn đi cùng vô minh và sự bám chấp vào một cái tôi thường còn, nó vẫn thuộc về vòng điều kiện của luân hồi. Hành động thiện vẫn vô cùng cần thiết: nó làm giảm tổn hại, nâng đỡ sự sáng suốt và tạo điều kiện thuận lợi cho trí tuệ cùng giải thoát.

Vì thế, lời dạy này không bảo chúng ta ngừng hành động. Lời dạy mời gọi ta hành động với tỉnh thức, từ bi và hiểu biết ngày càng sâu hơn, để vô minh và thói quen cưỡng bách dần mất sức mạnh.

## 6. Hành làm duyên cho Thức như thế nào?

Chi kế tiếp là Thức. Giáo lý dạy rằng do Hành làm duyên nên Thức sinh khởi. Điều này có nghĩa những ý định tạo nghiệp và các khuynh hướng theo thói quen tạo điều kiện, định hình sự sinh khởi và chiều hướng của Thức.

Không nên hiểu mối quan hệ ấy như một linh hồn thường còn đi từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác hoặc từ đời này sang đời sau. Kinh Mạ Lúa trình bày duyên khởi không có một tác nhân độc lập: khi các điều kiện cần thiết hiện diện, yếu tố kế tiếp sinh khởi; khi các điều kiện ấy chấm dứt, nó không thể sinh khởi theo cách cũ.

## 7. Làm thế nào Hành được chấm dứt?

Trung Bộ 9 dạy rằng Hành chấm dứt khi vô minh chấm dứt, và con đường đưa đến sự chấm dứt Hành là Con Đường Cao Quý Tám Ngành. Điều này không có nghĩa phải hủy diệt khả năng suy nghĩ, nói năng hay hành động.

Điều chấm dứt là sự tạo tác nghiệp bắt nguồn từ vô minh, tham ái và chấp thủ. Khi trí tuệ thấy kinh nghiệm rõ ràng hơn, hành động không còn buộc phải sinh khởi một cách máy móc từ mê lầm và chấp ngã.

Giới hạnh giúp ngăn những tạo tác gây hại; thiền định giúp ta thấy ý định và tập khí mà không lập tức chạy theo chúng; trí tuệ loại trừ vô minh là gốc của những tạo tác trôi buột. Nhờ vậy, mắt xích này dần được nhận biết và tháo gỡ.

**Nguồn Kinh điển:** [Tương Ưng Bộ 12.2](#), [Kinh Phân Tích Duyên Khởi](#); [Trung Bộ 9](#), [Kinh Chánh Tri Kiến](#); [Kinh Mạ Lúa \(Śālistamba Sūtra\)](#), Toh 210